

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24 /2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 63/2020/QH14;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư 23/2022/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 17/TTr-SXD ngày 15 tháng 01 năm 2026, ý kiến của Sở Tư pháp tại Văn bản số 305/BC-STP ngày 29 tháng 12 năm 2025 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) về việc ban hành quy định về quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Kon Tum hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Trưởng Thuế tỉnh Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐDBQH tỉnh và HĐND tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XV;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.Ng/cứu;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD._{dhv}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Hoàng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2026/QĐ-UBND)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về quản lý hoạt động cấp nước sạch và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Những nội dung không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động cấp nước sạch.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý hoạt động cấp nước sạch

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý về hoạt động cấp nước, có phân cấp, phân công trách nhiệm theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước, khách hàng sử dụng nước, có xét đến chính sách hỗ trợ cho các đối tượng sử dụng nước là các hộ nghèo, các khu vực đặc biệt khó khăn theo tiêu chí quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Việc khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Ưu tiên khai thác nguồn nước để cấp nước sạch cho mục đích sinh hoạt.

3. Nhà nước có trách nhiệm định hướng phát triển hệ thống cấp nước nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng; đồng thời khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức cá nhân tham gia phát triển và bảo vệ hệ thống cấp nước.

4. Việc phát triển hệ thống cấp nước phải thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Lựa chọn đơn vị cấp nước và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước sạch

1. Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn đơn vị cấp nước và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 (hai) đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn đơn vị cấp nước và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa bàn được giao quản lý.

Điều 4. Đầu tư phát triển, đầu nối hệ thống cấp nước sạch

1. Đối với các khu dân cư hiện trạng: Đơn vị cấp nước phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát các khu vực chưa có nước sạch và lập kế hoạch đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước trên cơ sở xác định nhu cầu thực tế của người dân, phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch cấp nước, kế hoạch phát triển cấp nước được cấp thẩm quyền phê duyệt; trình cơ quan đã ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với mình phê duyệt.

2. Đối với khu dân cư mới, khu đô thị mới, khu chung cư, thương mại, dịch vụ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu tái định cư không được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách: Chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới cấp nước sạch trong phạm vi dự án, thực hiện đầu nối theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và hồ sơ thiết kế, quy hoạch đã được thẩm định và phê duyệt (nếu có) và thỏa thuận đầu nối với đơn vị quản lý cấp nước, trừ trường hợp được phép tự sản xuất và cung cấp nước sạch.

3. Các công trình cấp nước nông thôn tập trung đầu tư bằng ngân sách nhà nước phải được tổ chức bàn giao, tiếp nhận, quản lý vận hành đúng quy định. Trường hợp không thể tiếp tục vận hành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để điều chuyển công trình cho đơn vị quản lý khác phù hợp với quy định pháp luật.

4. Việc thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng xây dựng các công trình cấp nước phải tuân các theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 5. Chất lượng dịch vụ tại điểm đầu nối

Chất lượng dịch vụ tại điểm đầu nối đối với nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, các mục đích khác được quy định tại Điều 40 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 6. Cung cấp nước phòng cháy, chữa cháy

Đơn vị cấp nước đảm bảo cung cấp đủ áp lực, lưu lượng cho hệ thống họng, trụ cứu hỏa trên mạng lưới cấp nước tại các khu vực đô thị, khu dân cư và khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong phạm vi vùng phục vụ cấp nước.

Điều 7. Di dời hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước sạch

Việc di dời hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước (*trừ phần thuộc phạm vi của khách hàng sử dụng nước*) do đơn vị cấp nước quản lý phải được đơn vị cấp nước thực hiện và trong những trường hợp:

1. Di dời để phù hợp với nhu cầu xây dựng các công trình như: nhà, đường, cầu, công trình thoát nước, điện lực, bưu chính viễn thông, công trình chỉnh trang đô thị, công trình hạ tầng kỹ thuật theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc thực hiện di dời theo quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Di dời theo yêu cầu của khách hàng sử dụng nước và phù hợp với các điều kiện quản lý mạng cấp nước của đơn vị cấp nước. Trường hợp này, chi phí di dời do bên khách hàng sử dụng nước chịu trách nhiệm thanh toán cho đơn vị cấp nước theo định mức, đơn giá tại thời điểm yêu cầu.

Điều 8. Giá nước sạch

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP; Nghị định 85/2024/NĐ-CP và các quy định hiện hành về giá.

Điều 9. Xây dựng, cập nhật, quản lý dữ liệu cấp nước sạch

1. Dữ liệu hệ thống cấp nước bao gồm:

a) Đối với nhà máy nước: Đơn vị quản lý, vị trí, công suất, tính chất nguồn nước thô, công nghệ xử lý, chất lượng nước sau xử lý.

b) Đối với trạm bơm: Đơn vị quản lý, vị trí, công nghệ, công suất, áp lực.

c) Đối với mạng lưới đường ống trước đồng hồ đo nước: Đơn vị quản lý, vị trí, đường kính, chất liệu, thời điểm đầu tư, tình trạng sử dụng.

2. Dữ liệu hệ thống cấp nước được đơn vị cấp nước chủ động xây dựng, quản lý và cập nhật thường xuyên.

3. Các đơn vị cấp nước có trách nhiệm cập nhật dữ liệu định kỳ về vùng phục vụ, công suất, lưu lượng nước, khách hàng và các thông số kỹ thuật liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp. Việc chia sẻ dữ liệu được thực hiện qua hệ thống số hóa hoặc biểu mẫu tiêu chuẩn để đảm bảo đồng bộ và minh bạch.

Điều 10. Bảo vệ điểm lấy nước, công trình cấp nước sạch

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp với đơn vị cấp nước bảo vệ điểm lấy nước, công trình cấp nước trên địa bàn.

2. Đơn vị cấp nước phải xây dựng tường rào bảo vệ khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước; phải thực hiện nghiêm ngặt chế độ đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước và các hồ chứa nước phục vụ cho xử lý; đồng thời, đơn vị cấp nước có trách nhiệm công khai mốc giới, ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa đối với các giếng khai thác nước dưới đất, có kế hoạch di dời các giếng nước không đảm bảo an toàn về phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh xung quanh miệng giếng được phê duyệt có khoảng cách, gây ảnh hưởng vệ sinh môi trường trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt (nếu có).

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khi khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình khác có liên quan đến công trình cấp nước phải có sự thỏa thuận với đơn vị cấp nước, tuân thủ quy định này và các quy định pháp luật có liên quan khác.

4. Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; công trình cấp nước thực hiện theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 11. Xử lý sự cố hệ thống cấp nước sạch

Đơn vị cấp nước quản lý hệ thống cấp nước có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức xử lý sự cố đối với hệ thống cấp nước (*nguồn nước, đường ống, trạm bơm tăng áp, trạm Clo, công trình xử lý nước, chất lượng nước*) theo nguyên tắc, trình tự sau đây:

1. Nguyên tắc

a) Báo cáo sự cố (*chỉ báo cáo đối với các sự cố gây ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt và sản xuất của người dân và doanh nghiệp*) và phối hợp giải quyết sự cố đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, đúng trình tự quy định.

b) Khẩn trương, kịp thời khắc phục sự cố và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra do sự cố.

c) Đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ nguyên nhân sự cố để xử lý dứt điểm sự cố và xác định đối tượng chịu trách nhiệm (nếu có).

2. Báo cáo sự cố

a) Ngay sau khi xảy ra sự cố (*gây ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt và sản xuất của người dân và doanh nghiệp*) đối với hệ thống cấp nước, bằng phương pháp nhanh nhất (*điện thoại trực tiếp*), đơn vị cấp nước phải báo cáo tóm tắt về sự cố (*địa điểm, thời điểm xảy ra sự cố, mô tả sơ bộ và diễn biến sự cố, tình hình thiệt*

hại, đánh giá sơ bộ nguyên nhân, đề xuất biện pháp khắc phục) đến các cơ quan quản lý theo phân cấp để chỉ đạo kịp thời.

b) Trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện xảy ra sự cố đối với hệ thống cấp nước, đơn vị cấp nước phải báo cáo về sự cố bằng văn bản với các thông tin nêu trên gửi các cơ quan quản lý theo phân cấp.

3. Giải quyết sự cố

a) Chủ động phối hợp với địa phương nơi xảy ra sự cố: chụp ảnh, quay phim, thu thập chứng cứ, ghi chép các tư liệu cần thiết và lập hồ sơ sự cố; lập biên bản kiểm tra hiện trường sự cố với các nội dung: Địa điểm, thời điểm xảy ra sự cố, mô tả sơ bộ và diễn biến sự cố; sơ bộ về tình hình thiệt hại; sơ bộ về nguyên nhân sự cố.

b) Khẩn trương huy động con người, thiết bị thực hiện các biện pháp kịp thời để bảo đảm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra do sự cố.

4. Xử lý thiệt hại do sự cố hệ thống cấp nước

Tổ chức cá nhân gây ra sự cố đối với hệ cấp nước chịu trách nhiệm về thiệt hại gây ra. Việc xác định thiệt hại phải đảm bảo chính xác, đầy đủ.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 12. Quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước sạch

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn; thực hiện phân cấp quản lý cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 8 Điều 60 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước tại đô thị đối với các hệ thống cấp nước có phạm vi phục vụ từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước tại nông thôn đối với các hệ thống cấp nước có phạm vi phục vụ liên xã (*từ 02 xã trở lên*).

4. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trong địa giới hành chính được giao quản lý; trực tiếp quyết định các nội dung về thỏa thuận dịch vụ và kế hoạch phát triển đối với công trình cấp nước thuộc địa bàn quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chủ trì nghiên cứu, xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách về hoạt động cấp nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế địa phương; tham gia góp ý các cơ chế, chính sách của Trung ương khi có yêu cầu.

2. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về các quy chuẩn, tiêu chuẩn, thông tư và các văn bản hướng dẫn của ngành xây dựng liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc đảm bảo cấp nước an toàn và các hoạt động cấp nước trong phạm vi được phân cấp; thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng các công trình cấp nước theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh.

5. Tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động cấp nước trong phạm vi được phân cấp; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (*hàng năm*) và đột xuất về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

6. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn và đơn vị liên quan trong việc triển khai các dự án hạ tầng giao thông đồng bộ với hệ thống cấp nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác nhằm đảm bảo tính hiệu quả và tránh lãng phí đầu tư.

7. Chấp thuận hoặc cấp giấy phép thi công công trình cấp nước trong hành lang an toàn đường bộ theo thẩm quyền và thực hiện giám sát việc hoàn trả mặt bằng theo quy định.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá nước sạch đô thị, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyết định giá và thực hiện lộ trình điều chỉnh giá nước sạch đô thị tại địa phương; tham mưu xử lý vướng mắc phát sinh về giá nước sạch đô thị.

9. Tham gia góp ý kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm của các đơn vị cấp nước trong phạm vi quản lý theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tham gia góp ý các cơ chế, chính sách về hoạt động cấp nước nông thôn của Trung ương khi có yêu cầu; chủ trì nghiên cứu, xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách về hoạt động cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh trong phạm vi được phân cấp để tổ chức thực hiện.

2. Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, thông tư, quyết định của ngành Nông nghiệp và Môi trường liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát việc cấp nước an toàn và hoạt động cấp nước trong phạm vi được phân cấp.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện chương trình cấp nước an toàn khu vực nông thôn theo quy định.

5. Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình cấp nước trong phạm vi được phân cấp về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định; phối hợp trong việc xây dựng các quy hoạch, kế hoạch cấp nước khi có yêu cầu.

7. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước trong hoạt động cấp nước; quản lý chặt chẽ các nguồn thải, các nguy cơ có thể gây ô nhiễm các nguồn nước nhất là các khu vực thượng nguồn, khu vực khai thác phục vụ sản xuất nước sạch; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các biện pháp phòng ngừa và khắc phục các vấn đề về ô nhiễm nguồn nước.

8. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc hướng dẫn, xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước cho các công trình khai thác sử dụng nước để cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

9. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phản ứng nhanh xử lý các sự cố ô nhiễm nguồn nước xảy ra trên địa bàn tỉnh; tổ chức diễn tập xử lý các sự cố ô nhiễm nguồn nước theo định kỳ, đột xuất.

10. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thẩm định phương án giá nước sạch nông thôn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; kiểm tra việc thực hiện quyết định giá nước sạch nông thôn và thực hiện điều chỉnh giá theo lộ trình tại địa phương; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh về giá nước sạch nông thôn theo quy định.

11. Tham gia góp ý kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm của các đơn vị cấp nước.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho các đơn vị, tổ chức cá nhân liên quan theo quy định của Bộ Y tế; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt định kỳ, đột xuất theo quy định.

2. Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Thông tư số 52/2024/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

3. Chủ trì nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp với đặc điểm thực tế của địa phương.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chính sách hỗ trợ về giá nước sạch theo các quy định hiện hành *(nếu có)* và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương. Phối hợp với các Sở quản lý ngành về nước sạch trong việc triển khai các nhiệm vụ về quyết định giá bán buôn, bán lẻ nước sạch sinh hoạt; lộ trình điều chỉnh giá nước sạch.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước phù hợp với khả năng cân đối vốn của tỉnh để thực hiện các dự án đầu tư cấp nước.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tham gia ý kiến hoặc thẩm định công nghệ các dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý nước sạch theo quy định; tham gia kiểm tra, giám sát công nghệ đã được vận hành hoạt động tại các dự án đầu tư xây dựng xử lý nước sạch theo quy định.

2. Phối hợp với Sở Y tế nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và phù hợp với đặc điểm thực tế của địa phương.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan tham gia kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đo lường đối với các phương tiện đo nằm trong danh mục quản lý nhà nước tại các đơn vị cấp nước.

Điều 18. Trách nhiệm của Thuế tỉnh

Hướng dẫn các đơn vị cấp nước phát hành hóa đơn theo quy định; đăng ký, khai thuế, nộp thuế tài nguyên, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Phối hợp, hướng dẫn các đơn vị cấp nước bảo vệ an ninh các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch.

2. Chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã điều tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời những

hành vi xâm hại công trình cấp nước sạch hoặc các hành vi làm ô nhiễm nước sạch trong quá trình sản xuất, cung cấp nhằm bảo đảm an toàn cấp nước.

3. Nhận bàn giao, quản lý, sử dụng có hiệu quả hệ thống các hòng, trụ nước chữa cháy; định kỳ kiểm tra chất lượng các trụ nước chữa cháy, kiến nghị đơn vị cấp nước sửa chữa, đảm bảo thay thế các trụ nước chữa cháy theo quy định.

4. Kiểm tra chất lượng, chủng loại, mẫu mã vật tư, thiết bị phòng cháy chữa cháy chuyên dùng trên hệ thống cấp nước chữa cháy trước khi lắp đặt.

5. Phối hợp đơn vị cấp nước bảo vệ các trụ nước chữa cháy.

6. Phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy; lập kế hoạch sử dụng nước cần thiết cho công tác phòng cháy chữa cháy hàng năm; xác nhận số lượng nước đã sử dụng cho công tác phòng cháy chữa cháy từ hệ thống cấp nước đô thị, khu công nghiệp và cụm công nghiệp làm cơ sở thanh toán tiền sử dụng nước thực tế cho đơn vị cấp nước.

Điều 20. Trách nhiệm của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai công tác quảng bá, xúc tiến, thu hút và kêu gọi đầu tư vào các dự án cấp nước sạch từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước được quy định tại khoản 9 Điều 60 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Tổ chức lựa chọn và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước trên địa bàn được giao quản lý theo nội dung được quy định tại Điều 3 quy định này.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, phối hợp với các đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn được giao quản lý theo Thông tư số 08/2012/TT-BXD.

3. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn các công trình cấp nước, điểm lấy nước sạch trên địa bàn; tham gia quản lý và bảo vệ hành lang an toàn công trình cấp nước sạch theo quy định của pháp luật.

4. Phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn do đơn vị cấp nước lập trên địa bàn được giao quản lý.

5. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động cung cấp nước sạch của các đơn vị cấp nước.

6. Tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm về cơ quan quản lý theo phân cấp.

7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao ý thức về sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ công trình cấp nước sạch và lợi ích của việc sử dụng nước sạch.

Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị cấp nước

1. Đơn vị cấp nước sạch căn cứ khung giá tiêu thụ nước sạch, quy chế tính giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá nước sạch do Nhà nước ban hành để xây dựng phương án giá nước sạch hoặc điều chỉnh giá nước sạch gửi Sở Xây dựng (*đối với nước sạch đô thị*), Sở Nông nghiệp và Môi trường (*đối với nước sạch nông thôn*) thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Lập thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trình cơ quan đã ký kết thỏa thuận dịch vụ cấp nước theo quy định tại Điều 3 quy định này.

3. Lập kế hoạch cấp nước an toàn, xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch cấp nước an toàn phù hợp theo điều kiện cụ thể của hệ thống cấp nước tại địa bàn phục vụ theo nội dung quy định trình Sở Xây dựng thẩm định và thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Thông tư số 08/2012/TT-BXD.

4. Có nghĩa vụ bảo đảm việc đấu nối các khách hàng sử dụng nước sạch vào mạng lưới cấp nước sạch trong vùng phục vụ của mình.

5. Tổ chức sản xuất an toàn, cung cấp ổn định dịch vụ cấp nước cho các khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước sạch, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo quy chuẩn kỹ thuật và hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết; ưu tiên áp dụng các phương pháp, phần mềm quản lý, vận hành hiện đại, sử dụng các thiết bị, vật tư ngành nước tiên tiến, có độ bền cao và không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân; đẩy mạnh công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch, bảo vệ an toàn nguồn nước; chủ động nghiên cứu, đầu tư lắp đặt đồng hồ đo nước công nghệ mới kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin để tạo thuận lợi cho khách hàng, giảm chi phí trong việc quản lý và thu tiền sử dụng nước.

6. Phối hợp với lực lượng Công an xây dựng phương án đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch.

7. Chủ động tự tổ chức kiểm tra chất lượng nước sạch, thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin về chất lượng nước sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 52/2024/TT-BYT.

8. Khi chuyển nhượng một phần hay toàn bộ quyền kinh doanh dịch vụ cấp nước sạch của đơn vị cấp nước cho các tổ chức, cá nhân khác, đơn vị cấp nước phải có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan được ủy quyền đã ký Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước đó.

9. Xây dựng, quản lý và cập nhật dữ liệu hệ thống cấp nước theo quy định tại Điều 15 quy định này; định kỳ vào tháng 01 hàng năm báo cáo tình hình hoạt động cấp nước và cung cấp dữ liệu hệ thống cấp nước của đơn vị về cơ quan quản lý theo phân cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã theo địa bàn phục vụ cấp nước.

Điều 23. Trách nhiệm của các hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân sử dụng nước trong sinh hoạt, kinh doanh

1. Khách hàng sử dụng nước phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.

2. Sử dụng nước tiết kiệm; thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây thất thoát nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.

3. Tạo điều kiện để đơn vị cấp nước kiểm tra hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ đo nước và ghi chỉ số của đồng hồ đo nước.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Triển khai thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức khảo sát, phân định phạm vi quản lý theo phân cấp; phổ biến, triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.